TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2018/DS-ST
Ngày: 28/11/2018.
Về việc " T/c hợp đồng vay "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Doãn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Em

2. Ông Phan Ngọc Thành

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đục - Cán bộ Tòa án Nhân dân huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2018/TLST- DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc " *Tranh chấp hợp đồng vay* ".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2018.

Theo Quyết định hoãn phiên toà số 46/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông. Giữa:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị L, sinh năm 1974**.**

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Phan Thị Tuyết M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa. Bị đơn Phan Thị Tuyết M vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày*:

Vào ngày 22/4/2017 (al) chị Phan Thị Tuyết M có vay của tôi số tiền gốc là 19.800.000đ (Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng). Sau khi làm biên nhận chị M hứa mỗi ngày sẻ trả góp cho tôi 50.000đ góp đến khi nào hết số tiền trên. Sau đó chị M không thực hiện theo lời hứa của mình, chị M không góp cho tôi ngày nào hết. Đến ngày 25/7/2018 (al) tôi đến gặp chị và yêu cầu chị trả số tiền trên cho tôi, chị không chịu trả, còn thách tôi đi thưa. Hôm nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị M phải trả cho tôi số tiền gốc là 19.800.000đ (Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn chị Phan Thị Tuyết M trình bày*:

Tôi thừa nhận vào ngày 22/4/2017 (al) tôi có vay của chị L số tiền gốc là 19.200.000đ và tiền tôi may quần áo nợ chị L là 600.000đ. Tổng cộng 19.800.000đ và tôi đã làm biên nhận ngày 22/4/2017 (al) cho chị L. Sau khi làm biên nhận tôi và chị L thoả thuận, tôi góp cho chị L mỗi ngày là 50.000đ, góp đến khi nào hết số tiền trên thì thôi. Sau đó tôi có góp cho chị L theo thoả thuận, tôi có ghi lại trong sổ của tôi hàng tháng để tự theo dõi, chị L không có ký nhận và tôi cũng không yêu cầu chị L ký nhận hay làm biên nhận gì cho tôi hết. Tôi góp cho chị L cụ thể: đến ngày 23/5/2017 góp 1.500.000đ; đến ngày 27/6/2017 góp 1.500.000đ; đến ngày 29/7/2017 góp 1.500.000đ; đến ngày 23/8/2017 góp 1.500.000đ; đến ngày 30/9/2017 góp 1.500.000đ; đến ngày 23/11/2017 góp 3.000.000đ và đến ngày 27/01/2018 góp 3.000.000đ, tổng số tiền tôi đã góp cho chị L là 13.500.000đ. Trong những lần góp, chồng; con của chị L và chị L nhận tiền. Việc ghi lại những ngày góp chỉ có mình tôi biết mà thôi, ngoài ra không ai biết và cũng không ai chứng kiến. Như vậy, tôi đã góp trả cho chị L được số tiền 13.500.000đ, hiện tôi chỉ còn nợ chị L 6.300.000đ. Hôm nay chị L yêu cầu tôi phải trả tiền gốc 19.800.000đ tôi không đồng ý, tôi đồng ý trả số tiền còn lại là 6.300.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L đối với chị Phan Thị Tuyết M. Buộc chị M có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ cho chị L là phù hợp tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[Về tố tụng]:

- *Về thẩm quyền*: Bị đơn Phan Thị Tuyết M cư trú tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ pháp luật*: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị Tuyết M trả số tiền vay còn nợ gốc là 19.800.000đ. Đây là quan hệ pháp luật Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về xét xử vắng mặt*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Phan Thị Tuyết M vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- [Về nội dung]:

Xét hợp đồng vay giữa chị Nguyễn Thị L với chị Phan Thị Tuyết M hai bên không làm hợp đồng, chỉ có biên nhận và hai bên hoàn toàn tự nguyện, đủ năng lực hành vi dân sự, không trái với đạo đức xã hội, hợp đồng trên là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ .

Xét yêu cầu của chị L yêu cầu chị M trả số tiền nợ gốc 19.800.000đ là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, chị M thừa nhận có vay tiền của chị L và chị đã làm biên nhận vào ngày 22/4/2017 (al). Sau khi làm biên nhận hai bên thoả thuận, chị M phải trả góp cho chị L mỗi ngày là 50.000đ đến khi nào hết số tiền trên thì thôi. Sau đó chị M không thực hiện theo sự thoả thuận nên chị L yêu cầu chị M trả số tiền theo biên nhận.

Tại buổi hoà giải ngày 31/10/2018 chị M cho rằng chị đã góp cho chị L theo thoả thuận mỗi ngày là 50.000đ, nhưng đến đủ tháng chị cộng lại và có ghi trong sổ của chị để tự theo dõi hàng tháng, chị L không ký nhận, chị góp cho chồng và con của chị L nhưng chị không biết chồng và con của chị L tên gì. Toà án có ghi lời khai đối với anh Phan Thành P (chồng chị L) và cháu Phan Thị Anh T (con chị L). Anh P và cháu T đều trình bày là không có nhận tiền của chị M và không biết gì về việc chị M nộp tiền chị L, chị không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc chị đã góp cho chị L được số tiền 13.500.000đ, hơn nữa chị L không thừa nhận. Tại buổi hoà giải chị cũng không có chứng cứ nào khác.

Từ những căn cứ trên, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L đối với chị Phan Thị Tuyết M là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị M vắng mặt không tham dự phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ trong hồ sơ đã thu thập được để xét xử theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26; 35; 39 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463 và Điều 466 của Bộ Luật Dân sự;

Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L đối với chị Phan Thị Tuyết M.

2. Buộc chị Phan Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền gốc 19.800.000đ (Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phan Thị Tuyết M phải nộp số tiền 990.000đ (Chín trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị L được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông theo biên lai số: 0001674, quyển số 0000034, ngày 26/9/2018.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có mặt được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Báo cho bị đơn vắng mặt được biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sư huyện;
- Đương sự;
- Lưu HS DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn